

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN B
TỈNH HÀ NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 36/2019/HSST
Ngày: 26/6/2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Ông Đặng Trần Anh Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đình Thật và ông Nguyễn Hữu Khánh.

- Thư ký phiên toà: Bà Trịnh Thị Minh Nguyệt – Thư ký Toà án nhân dân huyện B, tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Hà Nam tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Văn Quyên – Kiểm sát viên.

Trong ngày 26/6/2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện B, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 31/2019/TLST - HS ngày 17/5/2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2019/QĐXXST - HS ngày 12/6/2019 đối với các bị cáo:

1. Dương Thế A, sinh năm 1979; giới tính: Nam; nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Thôn x, xã B, huyện B, tỉnh Hà Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ văn hóa: 6/12; nghề nghiệp: Làm ruộng; con ông Dương Văn H và bà Lê Thị H; có vợ và 03 con, lớn nhất sinh năm 2000, nhỏ nhất sinh năm 2008. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 02/4/2019, đến ngày 09/4/2019 được thay thế biện pháp ngăn chặn “*Cấm đi khỏi nơi cư trú*”. (Có mặt)

2. Trần Hữu D, sinh năm 1989; giới tính: Nam; nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Thôn x, xã B, huyện B, tỉnh Hà Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ văn hóa: 12/12; nghề nghiệp: Làm ruộng; con ông Trần Hữu C và bà Trần Thị T; có vợ và 02 con, lớn sinh năm 2016, nhỏ sinh năm 2017. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 02/4/2019, đến ngày 09/4/2019 được thay thế biện pháp ngăn chặn “*Cấm đi khỏi nơi cư trú*”. (Có mặt)

3. Chu Văn T, sinh năm 1984; giới tính: Nam; nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Thôn x, xã B, huyện B, tỉnh Hà Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ văn hóa: 9/12; nghề nghiệp: Làm ruộng; con ông Chu Văn T và bà Nguyễn Thị C; có vợ và 02 con, lớn sinh năm 2007, nhỏ sinh năm 2016. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 02/4/2019, đến ngày 09/4/2019 được thay thế biện pháp ngăn chặn “*Cấm đi khỏi nơi cư trú*”. (Có mặt)

4. Nguyễn Lập Th, sinh năm 1984; giới tính: Nam; nơi ĐKHKT và chỗ ở: Thôn x, xã B, huyện B, tỉnh Hà Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ văn hóa: 9/12; nghề nghiệp: Làm ruộng; con ông Nguyễn Lập T và bà Lã Thị X; có vợ và 02 con, lớn sinh năm 2009, nhỏ sinh năm 2012. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 02/4/2019, đến ngày 09/4/2019 được thay thế biện pháp ngăn chặn “*Cấm đi khỏi nơi cư trú*”. (Có mặt)

5. Trần Hữu H, sinh năm 1990; giới tính: Nam; nơi ĐKHKT và chỗ ở: Thôn x, xã B, huyện B, tỉnh Hà Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ văn hóa: 9/12; nghề nghiệp: Làm ruộng; con ông Trần Hữu C và bà Trần Thị T; có vợ và 02 con, lớn sinh năm 2015, nhỏ sinh năm 2019. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 02/4/2019, đến ngày 09/4/2019 được thay thế biện pháp ngăn chặn “*Cấm đi khỏi nơi cư trú*”. (Có mặt)

6. Phạm Văn S, sinh năm 1959; giới tính: Nam; nơi ĐKHKT và chỗ ở: Thôn x, xã B, huyện B, tỉnh Hà Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ văn hóa: 7/10; nghề nghiệp: Làm ruộng; con ông Phạm Văn S (đã chết) và bà Nguyễn Thị V (đã chết); có vợ và 02 con, lớn sinh năm 1989, nhỏ sinh năm 1991. Tiền án, tiền sự: Không. Đặc điểm nhân thân: Ngày 11/12/1986, TAND huyện B, tỉnh Hà Nam Ninh xử phạt 12 tháng tù về tội “*Chứa chấp, tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*”, ngày 30/6/1987 chấp hành xong hình phạt tù. Bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 02/4/2019, đến ngày 09/4/2019 được thay thế biện pháp ngăn chặn “*Cấm đi khỏi nơi cư trú*”. (Có mặt)

7. Trần Trọng T, sinh năm 1978; giới tính: Nam; nơi ĐKHKT và chỗ ở: Thôn x, xã B, huyện B, tỉnh Hà Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ văn hóa: 5/12; nghề nghiệp: Làm ruộng; con ông Trần Trọng Q (đã chết) và bà Chu Thị T; có vợ và 02 con, lớn sinh năm 2004, nhỏ sinh năm 2008. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 02/4/2019, đến ngày 09/4/2019 được thay thế biện pháp ngăn chặn “*Cấm đi khỏi nơi cư trú*”. (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 15 giờ ngày 02/4/2019, các bị cáo Dương Thế A, Trần Hữu D, Chu Văn T đến khu vực lán bán vật liệu xây dựng của bị cáo Trần Trọng T chơi, uống nước. Tại đây A, D, T nói với chị Hoàng Thị H là vợ T xin được đánh bạc tại nhà T nhưng chị H không đồng ý. Sau đó chị H có việc đi ra ngoài thì A, D, T tự ý đi vào gian bếp nhà T lấy bộ bài tú lơ khơ ở đó và ngồi lên chiếc chiếu cói trải sẵn trên nền bếp rồi cùng nhau đánh bạc thắng thua bằng tiền với hình thức chơi “*Liêng*”. Khoảng 15 phút sau, bị cáo Nguyễn Lập Th đến nhà T chơi, thấy A, D, T đánh bạc thì cùng tham gia. Khoảng 30 phút sau, T về nhà thấy các đối tượng đang đánh bạc tại gian bếp nhà mình, T bảo các đối tượng không chơi nữa nhưng các đối tượng xin cho chơi thêm thì T đồng ý để các đối tượng tiếp tục

đánh bạc. Tiếp đó lần lượt có các bị cáo Trần Hữu H, Phạm Văn S đến nhà T chơi và cùng tham gia đánh bạc. Đến 17 giờ 05 phút cùng ngày khi các bị cáo A, D, T, Th, H, S đang đánh bạc tại gian bếp nhà bị cáo T thì bị lực lượng Công an huyện B phối hợp với Công an xã B phát hiện, bắt quả tang, đã thu giữ vật chứng và tạm giữ các đồ vật, tài sản gồm: Thu tại nơi các đối tượng đánh bạc 2.620.000 đồng, 01 bộ bài tú lơ khơ gồm 52 cây bài, 01 chiếc chiếu cói KT. Thu trên người các bị cáo: T 5.130.000 đồng và 01 điện thoại Iphone 5s màu trắng; H 370.000 đồng và 01 điện thoại Iphone 5 màu trắng; D 100.000 đồng và 01 điện thoại Mobell màu đen, viền xanh; T 01 điện thoại Samsung A7 màu đen; A 1.500.000 đồng và 01 điện thoại Wiko màu đen; Th 01 điện thoại Iphone 6 màu trắng; S 39.500.000 đồng (gồm 9.500.000 đồng ở ngăn ngoài chiếc ví giả da, 30.000.000 đồng ở ngăn trong được đóng kín bằng khóa kéo) và 01 điện thoại Samsung J2 màu đen.

Cơ quan CSĐT Công an huyện B đã tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của bị cáo T nhưng không thu giữ được đồ vật, tài sản, tài liệu gì liên quan đến vụ án.

Quá trình điều tra xác định hình thức, quy mô, tính chất của vụ đánh bạc như sau: Các bị cáo tham gia đánh bạc sử dụng 01 bộ bài tú lơ khơ gồm 52 cây bài có thứ tự từ: A (át), 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, J, Q, K. Mỗi loại cây bài này có 04 chất trong đó quy định thứ tự các chất từ to nhất đến nhỏ nhất lần lượt là “Cỏ”, “Rô”, “Tép”, “Bích”. Ở mỗi ván bài mỗi người chơi phải bỏ ra 10.000 đồng, gọi là tiền vào “gà”, người cầm cái chia cho mỗi người chơi 03 cây bài. Sau khi lên bài người nào có điểm tham gia chơi tiếp thì “tố” thêm, có thể “tố” thêm nhiều lần nhưng mỗi lần không được quá 100.000 đồng và lần lượt tố từ người cầm cái theo chiều ngược kim đồng hồ, ai không chơi thì úp bài vào “nọc”. Khi “tố” xong thì đo điểm, bài của người chơi lớn nhất (kể cả về chất bài) sẽ thắng và được hưởng toàn bộ số tiền “gà” và tiền “tố” thêm. Các bị cáo quy ước ván bài lớn nhất được tính theo thứ tự: Lớn nhất là bài “sáp” có 03 cây bài cùng loại; tiếp đến là bài “liêng” có 03 cây bài thứ tự liền kề nhau; bài “đầu hình” (hay còn gọi là bài “Ảnh”) tức là bài có các quân J, Q hoặc K nhưng không tạo thành “sáp” hoặc “liêng”, sau cùng là bài “tính điểm”, người chơi cộng 03 quân bài với nhau, bài 9 điểm là lớn nhất, trong đó A (át) được tính 1 điểm, các quân bài từ 10 đến K tính 0 điểm. Các bị cáo quy ước với nhau nếu trong ván bạc ai thắng mà có bài “sáp” hoặc “đồng hoa” (tức là bộ “liêng” gồm 03 cây bài cùng chất) thì sẽ được hưởng của mỗi đối tượng còn lại 50.000 đồng hoặc 30.000 đồng và trích 50.000 đồng hoặc 30.000 đồng của mỗi ván thắng tương ứng để đưa cho bị cáo Tuyền. Trước khi bị bắt, các đối tượng đã đưa cho Tuyền số tiền 210.000 đồng tương đương với 3 ván “sáp”, 2 ván “đồng hoa”.

Khi tham gia đánh bạc, bị cáo A sử dụng khoảng 1.500.000 đồng, bị cáo D sử dụng khoảng 500.000 đồng, bị cáo T sử dụng khoảng 500.000 đồng, bị cáo Th sử dụng khoảng 1.000.000 đồng, bị cáo H sử dụng khoảng 700.000 đồng, bị cáo S sử dụng 10.000.000 đồng vào việc đánh bạc. Tổng số tiền các bị cáo đã, đang và sẽ sử dụng vào việc đánh bạc là 14.300.000 đồng.

Tại bản Cáo trạng số 34/CT - VKS ngày 16/5/2019, Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Hà Nam đã truy tố các bị can Dương Thế A, Trần Hữu D, Chu Văn T, Nguyễn Lập Th, Trần Hữu H, Phạm Văn S, Trần Trọng T về tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên các bị cáo Dương Thế A, Trần Hữu D, Chu Văn T, Nguyễn Lập Th, Trần Hữu H, Phạm Văn S, Trần Trọng T phạm tội “Đánh bạc”. Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58 Bộ luật hình sự đối với tất cả các bị cáo; áp dụng điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo A, T, D, Th, H, T. Áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo S, D, A, T; xử phạt bị cáo S xử phạt tù 01 năm tù đến 01 năm 03 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng; xử phạt các bị cáo A, D, T, mỗi bị cáo từ 09 tháng tù đến 01 năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm. Áp dụng Điều 36 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Th, H, T; xử phạt mỗi bị cáo từ 09 tháng đến 01 năm cải tạo không giam giữ; đối trừ 06 ngày tạm giữ cho các bị cáo; miễn khấu trừ thu nhập cho các bị cáo. Áp dụng khoản 3 Điều 321; các khoản 2, 3 Điều 35 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo T, T, A, S; phạt mỗi bị cáo từ 01 đến 02 triệu đồng nộp ngân sách Nhà nước. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo Th, H, D. Áp dụng các điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; các điểm a, c khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu sung ngân sách Nhà nước 14.300.000 đồng; tịch thu tiêu hủy 52 quân bài tú lơ khơ và 01 chiếc chiếu cói. Trả lại: Bị cáo S 30.000.000 đồng, bị cáo T 4.920.000 đồng nhưng được giữ lại để đảm bảo công tác thi hành án dân sự.

Tại phiên tòa các bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như trong nội dung vụ án đã nêu ở trên và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt, cho các bị cáo được cải tạo ngoài xã hội để có điều kiện chăm lo cho gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi tổ tụng, quyết định tổ tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử vụ án là đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự; các bị cáo và những người khác không có khiếu nại gì về hành vi tổ tụng, quyết định tổ tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên.

[2] - Về tội danh: Từ khoảng 15 giờ đến 17 giờ 05 phút ngày 02/4/2019; được sự đồng ý của bị cáo Trần Trọng T; các bị cáo Dương Thế A, Trần Hữu D, Chu Văn T Nguyễn Lập Th, Trần Hữu H, Phạm Văn S đã cùng nhau đánh bài tú lơ khơ được thua bằng tiền với hình thức chơi “liêng” tại gian bếp của bị cáo T ở thôn x, xã B, huyện B, tỉnh Hà Nam. Đầu tiên là các bị cáo A, D, T đánh bài với nhau; sau đó lần lượt các bị cáo Th, H, S đến tham gia. Tổng số

tiền các bị cáo đã, đang và sẽ sử dụng vào việc đánh bài được thua bằng tiền là 14.300.000 đồng.

Hành vi đánh bài tú lơ khơ được thua bằng tiền với hình thức chơi “liêng” nêu trên của các bị cáo Dương Thế A, Trần Hữu D, Chu Văn T, Nguyễn Lập Th, Trần Hữu H, Phạm Văn S đã phạm tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự. Bị cáo Trần Trọng T mặc dù không trực tiếp tham gia đánh bạc nhưng là chủ nhà, đồng ý cho các bị cáo khác đánh bạc trái phép ở nhà mình và thu lợi bất chính từ việc đánh bạc của các bị cáo khác số tiền 210.000 đồng do vậy bị cáo T đồng phạm với các bị cáo A, D, T, Th, H, S về tội “Đánh bạc” quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tất cả các bị cáo được hưởng tình tiết “Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải” và “hoàn cảnh gia đình khó khăn, là lao động chính trong gia đình”, bị cáo D được hưởng tình tiết “đã có thời gian chấp hành nghĩa vụ quân sự” theo quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Các bị cáo A, D, T, Th, H, T được hưởng tình tiết “Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng” theo quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào.

- Trong vụ án, các bị cáo A, D, T, Th, H, S trực tiếp tham gia đánh bạc nên các bị cáo giữ vai trò người thực hành; bị cáo T không trực tiếp tham gia đánh bạc nhưng cho các bị cáo khác sử dụng nhà mình làm nơi đánh bạc nên giữ vai trò người giúp sức.

- Về hình phạt: Xét hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự xã hội, làm mất an ninh tại địa bàn phạm tội. Tuy nhiên xét các bị cáo A, D, T, Th, H, T phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo S tham gia đánh bạc với thời gian ngắn nhất. Các bị cáo đồng phạm giản đơn, quy mô nhỏ, nhất thời phạm tội, không có sự phân công, chuẩn bị từ trước; trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử các bị cáo đều khai báo thành khẩn, nhận thức rõ việc làm của mình là vi phạm pháp luật và ăn năn hối cải; các bị cáo đều có nơi cư trú rõ ràng và hoàn cảnh gia đình khó khăn có xác nhận của chính quyền địa phương do đó Hội đồng xét xử thấy không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà vẫn có thể cải tạo, giáo dục các bị cáo trở thành công dân biết tuân thủ pháp luật.

Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử đã xem xét đến vai trò, mức độ tham gia của từng bị cáo trong vụ án để cân nhắc khi áp dụng, thể hiện quan điểm cá thể hóa tội phạm nhằm nâng cao hiệu quả trong công tác đấu tranh, phòng chống tội phạm. Trong vụ án; các bị cáo A, D, T tham gia đánh bạc từ đầu; bị cáo S đánh bạc với số tiền nhiều nhất nên cần xử phạt tù nhưng cho hưởng án treo. Các bị cáo Th, H tham gia đánh bạc với thời gian, quy mô ít hơn;

bị cáo T không trực tiếp đánh bạc do vậy chỉ cần áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ; đồng thời xét biên bản xác minh tài sản và đơn đề nghị có xác nhận của chính quyền địa phương thấy điều kiện kinh tế của các bị cáo Th, Hòa, T khó khăn nên miễn khấu trừ thu nhập. Hội đồng xét xử nhắc nhở các bị cáo phải lấy đây làm bài học để rèn luyện, cải tạo bản thân mà không có những hành vi vi phạm pháp luật.

[3] Về hình phạt bổ sung: Căn cứ biên bản xác minh tài sản đối với các bị cáo, Hội đồng xét xử thấy phải áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo T, T, A, S; không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo Th, H, D.

[4] Về vật chứng của vụ án: Đối với 01 bộ bài tú lơ khơ 52 quân và 01 chiếc chiếu cói không có giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy. Đối với 14.300.000 đồng các bị cáo dùng để đánh bạc cần tịch thu nộp ngân sách Nhà nước. Đối với số tiền 30.000.000 đồng thu của bị cáo Sinh và 4.920.000 đồng thu của bị cáo T không dùng vào việc đánh bạc và là tài sản hợp pháp của các bị cáo S, T nên trả lại các bị cáo nhưng được tạm giữ để đảm bảo công tác thi hành án dân sự.

[5] Về án phí hình sự sơ thẩm: Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng.

[6] Tình tiết khác của vụ án: Đối với 07 chiếc điện thoại di động thu giữ; quá trình điều tra xác định là tài sản hợp pháp của các bị cáo T, H, D, T, A, Th, S, không liên quan đến việc đánh bạc nên Cơ quan CSĐT Công an huyện B đã trả lại cho các bị cáo là đúng quy định của pháp luật.

Đối với chị Hoàng Thị H khi các bị cáo A, D, T xin đánh bạc tại nhà thì chị H không đồng ý. Sau đó chị H có việc đi ra khỏi nhà và hoàn toàn không biết việc các bị cáo tự ý đánh bạc tại nhà mình nên chị H không đồng phạm với các bị cáo.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 47 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Dương Thế A, Trần Hữu D, Chu Văn T, Nguyễn Lập Th, Trần Hữu H, Phạm Văn S, Trần Trọng T.

Áp dụng điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Dương Thế A, Trần Hữu D, Chu Văn T, Nguyễn Lập Th, Trần Hữu H, Trần Trọng T.

Áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Dương Thế A, Trần Hữu D, Chu Văn T, Phạm Văn S.

Áp dụng Điều 36 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Nguyễn Lập Th, Trần Hữu H, Trần Trọng T.

Áp dụng khoản 3 Điều 321; các khoản 2, 3 Điều 35 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Dương Thế A, Chu Văn T, Phạm Văn S, Trần Trọng T.

Áp dụng các điểm a, c khoản 2 và điểm a khoản 3 Điều 106; Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự.

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khoá 14.

1. Tuyên bố các bị cáo Dương Thế A, Trần Hữu D, Chu Văn T, Nguyễn Lập Th, Trần Hữu H, Phạm Văn S, Trần Trọng T phạm tội “Đánh bạc”.

2. - Xử phạt bị cáo Phạm Văn S 01 (Một) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 02 (Hai) năm kể từ ngày tuyên án (26/6/2019).

- Xử phạt các bị cáo Dương Thế A, Trần Hữu D, Chu Văn T; mỗi bị cáo 09 (Chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng kể từ ngày tuyên án (26/6/2019).

- Xử phạt các bị cáo Nguyễn Lập Th, Trần Hữu H, Trần Trọng T; mỗi bị cáo 09 (Chín) tháng cải tạo không giam giữ; được đổi trừ 06 (Sáu) ngày tạm giữ; thời hạn chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ là 08 (Tám) tháng 12 (Mười hai) ngày. Thời điểm bắt đầu tính thời hạn cải tạo không giam giữ đối với các bị cáo Nguyễn Lập Th, Trần Hữu H, Trần Trọng T được tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã B, huyện B, tỉnh Hà Nam nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Miễn việc khấu trừ thu nhập đối với các bị cáo Nguyễn Lập Th, Trần Hữu H, Trần Trọng T.

Giao các bị cáo Dương Thế A, Trần Hữu D, Chu Văn T, Nguyễn Lập Th, Trần Hữu H, Phạm Văn S, Trần Trọng T cho Ủy ban nhân dân xã B, huyện B, tỉnh Hà Nam giám sát, giáo dục.

Trong trường hợp các bị cáo A, D, T, S thay đổi nơi cư trú thì phải thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, nếu các bị cáo A, D, T, S cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc các bị cáo A, D, T, S phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Về hình phạt bổ sung: Phạt tiền sung ngân sách Nhà nước đối với: Bị cáo Phạm Văn S 2.000.000 đồng; các bị cáo Trần Trọng T, Chu Văn T và Dương Thế A, mỗi bị cáo 1.000.000 đồng. Các bị cáo S, T, T, A có nghĩa vụ nộp tiền phạt tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Hà Nam.

4. Về xử lý vật chứng: Tịch thu sung ngân sách Nhà nước 14.300.000 đồng. Tịch thu tiêu huỷ 01 bộ bài tú lơ khơ gồm 52 quân bài và 01 chiếc chiếu cói. Trả lại bị cáo Phạm Văn S 30.000.000 đồng; trả lại bị cáo Trần Trọng T 4.920.000 đồng; nhưng được giữ lại để đảm bảo công tác thi hành án dân sự. Các vật chứng được xác định theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 17/5/2019 giữa Cơ quan CSĐT Công an huyện B, tỉnh Hà Nam và Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Hà Nam cùng Ủy nhiệm chi số 06 ngày 17/5/2019 của Cơ quan CSĐT Công an huyện B, tỉnh Hà Nam.

5. Về án phí hình sự sơ thẩm: Buộc các bị cáo Dương Thế A, Trần Hữu D, Chu Văn T, Nguyễn Lập Th, Trần Hữu H, Phạm Văn S, Trần Trọng T; mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng.

Án xử công khai. Báo cho các bị cáo biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện B;
- Công an huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- UBND xã B, huyện B;
- Các bị cáo;
- Lưu hồ sơ và văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà

Đặng Trần Anh Dũng

(Đã ký)